

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam

Ngày 09 tháng 3 năm 2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2005/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và ngày 15 tháng 11 năm 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/2007/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy định tại Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 28/2005/NĐ-CP) và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 165/2007/NĐ-CP).

1.2. Trừ trường hợp quy định khác tại Thông tư này và các quy định pháp lý đặc thù có liên quan, các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng sẽ được áp dụng đối với tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Tín dụng quy mô nhỏ: là khoản cho vay có giá trị nhỏ, có hoặc không có bảo đảm cho các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp để sử dụng vào các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện điều kiện sống. Khoản cho vay đối với một khách hàng được gọi là tín dụng quy mô nhỏ khi tổng dư nợ cho vay của tổ chức

tài chính quy mô nhỏ đối với khách hàng đó không vượt quá ba mươi triệu đồng. Mức cho vay này có thể được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh theo từng thời kỳ.

2.2. Người điều hành: bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Trưởng kiểm toán nội bộ (nếu có) và các chức danh điều hành khác do Điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ quy định.

2.3. Người quản lý: bao gồm chủ sở hữu, thành viên Hội nghị thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác do Điều lệ tổ chức tài chính quy mô nhỏ quy định.

2.4. Người thân trực tiếp của một người là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đó.

2.5. Tổ chức phi Chính phủ Việt Nam: là các tổ chức được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2.6. Nước nguyên xứ đối với bên góp vốn nước ngoài: là nước nơi tổ chức nước ngoài được thành lập hoặc đăng ký đặt trụ sở chính, hoặc là nước nơi cá nhân nước ngoài đăng ký quốc tịch.

2.7. Tổ chức, cá nhân nước ngoài: là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc đăng ký đặt trụ sở chính ở nước ngoài, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2.8. Người đại diện theo uỷ quyền: là cá nhân được các bên góp vốn uỷ quyền bằng văn bản để nhân danh họ thực hiện các quyền của họ tại tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

2.9. Thành viên sáng lập: là thành viên (cá nhân, tổ chức) góp vốn, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

2.10. Tổ chức lại: là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại hoặc chuyển đổi từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại.

3. Loại hình tổ chức tài chính quy mô nhỏ

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức tài chính quy mô nhỏ trong phạm vi số vốn điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ, cụ thể như sau:

3.1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: là tổ chức tài chính quy mô nhỏ do một tổ chức chính trị-xã hội Việt Nam làm chủ sở hữu.

3.2. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: là tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thành lập bằng vốn góp của hai hoặc nhiều tổ chức thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 28/2005/NĐ-CP hoặc bằng vốn góp của một hoặc nhiều tổ

chức này với một hoặc nhiều cá nhân và tổ chức khác trong nước và nước ngoài; tổ chức tài chính quy mô nhỏ có số lượng thành viên góp vốn không vượt quá năm thành viên, trừ trường hợp được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

4. Sử dụng thuật ngữ “tổ chức tài chính quy mô nhỏ”

Chỉ các tổ chức tài chính quy mô nhỏ được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động mới được phép sử dụng thuật ngữ “tổ chức tài chính quy mô nhỏ” bằng bất cứ ngôn ngữ nào trong tên của tổ chức, chức danh hoặc được sử dụng là phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc được trình bày trong tiêu đề hoá đơn, văn bản, thông báo, quảng cáo hoặc mô tả hoạt động kinh doanh.

5. Vốn điều lệ

5.1. Vốn điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được góp bằng tiền hoặc hiện vật.

a) Góp vốn bằng tiền:

- Đối với thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân Việt Nam: vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam;

- Đối với thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân nước ngoài: vốn điều lệ có thể được góp bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc bằng đồng Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, số tiền góp vốn phải được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chuyển đổi.

b) Góp vốn bằng hiện vật: Hiện vật phải là tài sản có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng (đối với đất đai) và là tài sản phục vụ trực tiếp cho hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Số vốn điều lệ được góp dưới hình thức hiện vật không được vượt quá 5% tổng số vốn điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

5.2. Đối với tổ chức đã có hoạt động tài chính quy mô nhỏ trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành, vốn tự có của tổ chức này được xác định để tính vào vốn điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Vốn tự có của tổ chức này bao gồm: vốn đã được cấp, vốn đã được tài trợ, vốn đã góp, đã quyền góp hoặc có tính chất như quyền góp, các quỹ (quỹ dự trữ bổ sung vốn, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ) và lợi nhuận không chia, sau khi đã trừ đi các khoản lỗ, bao gồm cả các khoản lỗ lũy kế. Ngân hàng Nhà nước xác định vốn tự có của tổ chức này căn cứ trên các tài liệu sau:

a) Hồ sơ, giấy tờ chứng minh về việc nhận vốn, góp vốn và/hoặc các tài liệu tương đương khác;

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu

chuẩn kiểm toán doanh nghiệp trong khoảng thời gian sáu tháng trước khi nộp đơn và hồ sơ đề nghị được thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ;

c) Cam kết của người (những người) đứng đơn đề nghị cấp Giấy phép về số vốn tự có của tổ chức này tại thời điểm nộp đơn và cam kết về việc thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ biến động nào làm ảnh hưởng đến giá trị của số vốn tự có này cho đến khi được cấp giấy phép thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ;

d) Ý kiến của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước về tình hình nguồn vốn của tổ chức này.

6. Tỷ lệ và phương thức góp vốn điều lệ

Tỷ lệ và phương thức góp vốn điều lệ của các thành viên góp vốn tại tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do các bên thoả thuận và phải được ghi rõ trong Điều lệ. Tỷ lệ góp vốn phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:

6.1. Tổng số vốn góp của các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải dưới 50% vốn điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6.2. Tổng số vốn góp của các tổ chức thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 28/2005/NĐ-CP phải đạt tỷ lệ tối thiểu là 25% vốn điều lệ và phải có tỷ lệ góp vốn cao nhất so với mỗi thành viên góp vốn còn lại.

7. Chuyển nhượng phần vốn góp

7.1. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Chủ sở hữu có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần số vốn góp của mình cho tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp của mình cho tổ chức chính trị-xã hội Việt Nam với điều kiện phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 8, Nghị định 28/2005/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Nghị định 165/2007/NĐ-CP).

Trường hợp sau khi chuyển nhượng, vốn góp của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được sở hữu bởi từ hai thành viên góp vốn trở lên thì tổ chức tài chính quy mô nhỏ đó phải chuyển thành tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và phải tuân thủ các quy định áp dụng cho loại hình tổ chức này.

7.2. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Các thành viên góp vốn trong tổ chức tài chính quy mô nhỏ được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình theo quy định sau đây:

a) Phải chuyển nhượng phần vốn đó cho các bên góp vốn còn lại trong tổ chức tài chính quy mô nhỏ theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong tổ chức với cùng điều kiện;

b) Chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác nếu các bên góp vốn còn lại trong tổ chức tài chính quy mô nhỏ không mua hoặc không mua hết trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày chào bán. Việc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân không phải là các bên góp vốn còn lại của tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải được thực hiện theo các điều kiện không ưu đãi hơn các điều kiện được quy định tại điểm 7.2, tiết a Khoản này.

7.3. Việc chuyển nhượng vốn phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước khi thực hiện.

8. Phân chia lợi nhuận

8.1. Các thành viên góp vốn trong tổ chức tài chính quy mô nhỏ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp của mỗi thành viên, trừ trường hợp các thành viên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

8.2. Hội nghị thành viên (chủ sở hữu) có thể nhất trí bằng văn bản về việc không phân chia lợi nhuận mà sử dụng một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận để tăng vốn tự có.

8.3. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận phải được quy định tại Điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

II. QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CHO TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUY MÔ NHỎ

9. Điều kiện để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (gọi tắt là Giấy phép)

9.1. Có nhu cầu về hoạt động tài chính quy mô nhỏ.

9.2. Ý kiến của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ về sự cần thiết thành lập tổ chức này trên địa bàn.

9.3. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 165/2007/NĐ-CP.

9.4. Có trụ sở làm việc và cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ, thông tin đảm bảo cho hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

9.5. Có người quản trị, kiểm soát và điều hành đủ năng lực hành vi dân sự và có trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

9.6. Có phương án kinh doanh khả thi trong ba năm đầu hoạt động.

9.7. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Phải có ít nhất một trong số các thành viên góp vốn là tổ chức thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 28/2005/NĐ-CP của Chính phủ đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Trực tiếp tham gia quản trị và/hoặc điều hành một hoặc nhiều tổ chức, chương trình, dự án có cung cấp dịch vụ nhận tiết kiệm bắt buộc và cấp tín dụng